

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HS-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Hảo;
2/ Bà Nguyễn Thị Phẩm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê H Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim X - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/TLST- HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 và các quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1/**Đ NGỌC T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1974 tại huyện P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Nơi ở: khu Mã Thượng A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên phó chủ tịch UBND huyện P đã nghỉ hưu; Trình độ văn hoá: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi B khu Mã Thượng A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông: Đ Văn Đ - sinh năm 1948; Con bà: Đ Thị H - sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Thanh L - sinh năm 1983; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; anh, chị, em: có 04 anh em. Bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/8/1994, Công an Tphố V, tỉnh P ra quyết định xử phạt Hnh chính số tiền 100.000đ về Hnh vi “Đánh bạc”;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại: khu Mã Thượng A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

2/ **NGUYỄN CÔNG T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1977 tại huyện P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: Khu Núi Trang, thị trấn P, huyện P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng

sản Việt Nam hiện bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông: Nguyễn TĐ, sinh năm 1942, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1945, đã chết; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; Anh, chị, em: có 05 chị em; Bị cáo là con thứ 3.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 16/7/2024. Hiện đang tại ngoại tại khu Núi Trang, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

3/ **NGUYỄN BÁ C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1977 tại huyện P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: Khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh - Giám đốc Công ty TNHH T PT; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; Đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn V - sinh năm 1943; Con bà: Nguyễn Thị H - sinh năm 1945; Vợ: Nguyễn Thị N - sinh năm 1984; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; Anh, chị, em: có 05 chị em; Bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: không;

Tiền sự: 01:

Năm 2023 bị Công an huyện P, tỉnh P xử phạt Hnh chính về Hnh vi “Cố ý gây thương tích” số tiền 6.500.000đ, bị cáo đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2024 đến ngày 30/5/2024, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện P, tỉnh P.

(Các bị cáo có mặt)

Người có liên quan

1. Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh P.

2. Ông Khuất Văn Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 7, xã P, huyện P, tỉnh P.

3. Ông Trần Trung K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P.

4. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

5. Ông Phạm Đức C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P.

6. Ông Hoàng Mạnh H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P.

7. Ông Trương Anh D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

8. Ông Lê X K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P.

9. Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 8, xã H, Tphố V, tỉnh P.

10. Ông H X M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

11. Bà Hoàng H - Cán B Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P.

12. Ông Nguyễn Trọng K - Cán B Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P.

13. Công ty TNHH T

Địa chỉ: Xã Hùng Lô, Tphố V, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C - Giám đốc.

14. Công ty TNHH Thương Mại H

Địa chỉ: Xã T, huyện P, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn V - Giám đốc.

15. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P

Địa chỉ: Số 1518, đường H, phường G, Tphố V, tỉnh P.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Văn C - Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục quản lý đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám.

16. Ủy ban nhân dân tỉnh P

Địa chỉ: Phường T, Tphố V, tỉnh P

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng T - Phó chủ tịch UBND tỉnh P.

(Ông T, ông Q, ông K, ông Đa, ông H, ông M có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. *Hình vi phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của bị cáo Nguyễn Công T và Đ Ngọc T.*

Ngày 30/11/2020, UBND tỉnh P ban Hành Quyết định số 3120/QĐ-UBND Quyết định về việc ban Hành Quy chế quản lý hoạt động cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để đắp nền công trình trên địa bàn tỉnh P. Căn cứ quyết định trên, ngày 18/12/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P ban Hành Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế. Theo Mục 1 Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT, đối với trường hợp chấp thuận cho vận chuyển đất dư thừa nhỏ hơn 10.000 m³ tổ chức cá nhân L hồ sơ đề nghị chấp thuận cho vận chuyển đất dư thừa gửi UBND cấp huyện, và quy định cụ thể về Tphần hồ sơ đề nghị chấp thuận vận chuyển khối lượng đất dư thừa.

Sau khi UBND tỉnh P và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P ban Hành Quy chế và văn bản hướng dẫn nêu trên, từ tháng 5 năm 2021, UBND huyện P tiến hành triển khai việc cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa cho người dân trên địa bàn huyện P, trong đó phân công chức năng,

nhiệm vụ cho Lãnh đạo UBND huyện P và cán B Phòng Tài nguyên & môi trường phụ trách việc cấp phép thi công cải tạo mặt bằng và có vận chuyển đất dư thừa.

Theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND huyện P về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện P, nhiệm kỳ 2021 - 2026, trong đó phân công nhiệm vụ cho Đ Ngọc T - Phó Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh P giúp Chủ tịch UBND huyện theo dõi, trực tiếp ký và phê duyệt việc hạ cốt, san nền; giúp Chủ tịch UBND huyện theo dõi và chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị, trong đó có Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 12/11/2021, UBND huyện P ban Hành văn bản số 1678/UBND - VP về việc giao giải quyết hồ sơ, thủ tục cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền trên địa bàn huyện P. UBND huyện P giao Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan để trình UBND huyện ra văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đã phân công nhiệm vụ cho các đồng chí Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng. Ngày 17/5/2021 Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P ban Hành Thông báo số 06/TB-TNMT về việc phân công nhiệm vụ các đồng chí Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; ngày 30/5/2022, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P ban Hành Thông báo số 02/TB-TNMT về phân công nhiệm vụ các đồng chí lãnh đạo, cán B Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, Nguyễn Công T- Phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P được phân công nhiệm vụ thẩm định hồ sơ xin thi công cải tạo mặt bằng có vận chuyển đất dư thừa.

Theo quy định tại điểm g Mục 1 Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT, hồ sơ cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa phải có “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Bản sao các giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất*”;

Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất tại Điểm g Mục 1 Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT là những loại giấy tờ sau:

Theo Điều 11 Luật đất đai năm 2013, Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất gồm:

“Điều 11. Căn cứ để xác định loại đất

Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:

1. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nH ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất;*

2. *Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;*

3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nH nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này”.

Theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013:

“Điều 100. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

a) Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của NH nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và NH nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nH nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nH tình nghĩa, nH tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nH ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nH ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nH ở thuộc sở hữu nH nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Các loại giấy tờ khác được xác L trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định của Chính phủ.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến trước ngày Luật này có hiệu lực thì Hnh chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đất đó không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

3. Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi Hnh án của cơ quan thi Hnh án, văn bản công nhận K quả hòa giải tHnh, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nH nước có thẩm quyền đã được thi Hnh thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn

liền với đất; trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Theo nội dung văn bản số 3281/TNMT-KS&TTN ngày 04/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P) thì Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không phải là Giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Với mục đích cho các doanh nghiệp khai thác đất san lấp để đắp nền công trình trên địa bàn, Nguyễn Công Thuồng dẫn người dân, doanh nghiệp hợp thức hồ sơ Giấy tờ pháp lý của thửa đất xin cấp phép hạ cốt nền bằng các Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất có xác nhận của UBND cấp xã, thị trấn. Quá trình tiếp nhận và thẩm định các hồ sơ, mặc dù Nguyễn Công Tbiết 06 thửa đất được theo dõi trong sổ mục kê đất đai và địa chính đều do UBND các xã An Đạo, T, P và thị trấn P đang quản lý (không có Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất), không đủ điều kiện cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa nhưng Nguyễn Công Tvinh thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp phép và L, ký tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa đề nghị Đ Ngọc T ký ban Hnh văn bản chấp thuận. Khi trình Đ Ngọc T ký hồ sơ, Nguyễn Công Ttrình toàn B hồ sơ (gồm Đơn xin cấp phép; Các bản trích đo địa chính; Phương án thi công; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất kèm theo các thủ tục niêm yết, công khai; Báo cáo K quả thẩm định hồ sơ; tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa; Biên bản kiểm tra...) để Đ Ngọc T kiểm tra, thẩm định lại lần cuối trước khi ký ban Hnh văn bản chấp thuận.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 7/2023, Nguyễn Công Tđã thẩm định trái quy định cấp phép đối với 6 thửa đất. Sau khi thẩm định hồ sơ, Nguyễn Công Tđã L tờ trình, trình Đ Ngọc T ký văn bản về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của các hộ dân. Sau khi được cấp phép, có 03 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH T PT do ông Nguyễn Bá C có mối quan hệ với T đã thực hiện hoạt động khai thác tại 04/06 thửa đất, ngoài ra còn có Công ty TNHH T đã thực hiện hoạt động khai thác tại 01/06 thửa đất; Công ty TNHH TM H đã thực hiện hoạt động khai thác tại 01/06 thửa đất với tổng khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 29.057,68m³. Cụ thể như sau:

Chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Nguyễn Văn L tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 22, diện tích 129m² và hộ ông Khuất Văn X tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 22, diện tích 139,9m².

Quá trình thi công, hạ cốt nền cho các hộ dân tại Núi Khuyết thuộc Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P, Nguyễn Bá C, HKTT: Khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P - Giám

độc Công ty TNHH T PT (Địa chỉ: Khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P) biết 02 thửa đất nêu trên đang không có người sử dụng. Với mục đích khai thác đất để bán cho các doanh nghiệp thực hiện hoạt động san lấp, C đã liên hệ với anh Trần Trung K - Cán B địa chính xã P để mô tả về vị trí thửa đất và hỏi về thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này thì được anh K trả lời là cả 02 thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân nào. Thực tế thửa đất số 384 theo sổ mục kê năm 2016, tại trang số 173 ghi tên người sử dụng, quản lý là hộ ông bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Nhân, diện tích 129m², loại đất RSX; Thửa số 388, tờ bản đồ số 22 theo sổ mục kê năm 2016 diện tích 139,9m² tại Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P ghi tên người sử dụng là UBND xã P và hiện vẫn do UBND xã P đang quản lý.

Do trước đó, Công ty TNHH T do Nguyễn Bá C làm Giám đốc là đơn vị được UBND huyện P có văn bản về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Khuất Văn X và ông Nguyễn Văn L tại khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P, nên C đã L hồ sơ gồm: Đơn xin cấp phép hạ cốt nền, phương án thi công, các bản trích đo thể hiện chủ sử dụng đất xin cấp phép đứng tên ông Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1956 - HKTT: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P (đối với thửa đất 384) và ông Khuất Văn X - Sinh năm: 1958 - HKTT: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P (đối với thửa đất 388) và nhờ người khác ký giả chữ ký của ông X và ông L (do đã lâu nên C không xác định được đã nhờ ai ký giả chữ ký). Quá trình thuê đơn vị đo vẽ, C thấy bên cạnh thửa đất số 388 có thửa đất 385 có diện tích 142,3m² không có ai sử dụng nên đã đo vẽ gộp vào thửa số 388 nên diện tích đề nghị cấp phép san gạt đối với hộ ông Khuất Văn X tăng lên là 281,1m². Sau đó C mang các thủ tục đến UBND xã P gặp anh K để xin xác nhận của UBND xã và nhờ K làm Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư kèm theo các thủ tục niêm yết công khai. Sau khi tiếp nhận anh K đã làm các thủ tục Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư kèm theo các thủ tục niêm yết công khai sau đó trình ông Đỗ Anh T - Chủ tịch UBND xã P ký xác nhận vào các bản trích đo và trình ông Khuất Văn Q - Phó Chủ tịch UBND xã P ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất; các thủ tục niêm yết, công khai. Sau khi xin xác nhận vào các thủ tục nêu trên, K đưa lại cho Nguyễn Bá C toàn B các thủ tục nêu trên. Sau đó, Nguyễn Bá C đã mang hồ sơ đến nộp tại B phận một cửa của UBND huyện P để xin cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, mặc dù trong hồ sơ không có bất kỳ Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất và biết thửa đất vẫn do UBND xã P quản lý nhưng Nguyễn Công Tuấn thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp phép và L tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để Hoàng Văn Luyện - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký tờ trình đề nghị Đ Ngọc T ký ban Hành văn bản chấp thuận.

Ngày 28/12/2022, Đ Ngọc T ký văn bản chấp thuận số 1704/UBND-TNMT về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Khuất Văn X, khu 9, xã P, khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 2.514,95m³. Sau khi có văn bản chấp thuận, Công ty TNHH T PT đã nộp số tiền thuế khai thác khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ môi trường tổng số tiền là 16.095.680đ (*mười sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

Ngày 28/12/2022, Đ Ngọc T ký văn bản chấp thuận số 1708/UBND-TNMT về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Nguyễn Văn L, khu 9, xã P, khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 1.313,90m³. Sau khi có văn bản chấp thuận, Công ty TNHH T PT đã nộp số tiền thuế khai thác khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ môi trường tổng số tiền là 8.408.960đ.

Toàn B khối lượng đất san L đã khai thác tại 02 thửa đất trên, Công ty TNHH T PT bán cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Ngọc Đan (*Địa chỉ: Khu 4, Xã T, Huyện L, Tỉnh P*), thu lời với tổng số tiền 99.550.100đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký Nguyễn Văn L và Khuất Văn X trong hồ sơ cấp phép san gạt hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa đối với thửa đất 384 và thửa đất số 388 tờ bản đồ số 22.

Tại Bản K luận giám định số 975/KL-KTHS ngày 09/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P K luận:

“- Chữ ký dạng chữ viết “X” và chữ viết họ tên “Khuất Văn X” dưới mục “Chủ sử dụng đất; Đại diện bên A; Chủ hộ” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6) so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Khuất Văn X trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký dạng chữ viết “L” và chữ viết họ tên “Nguyễn Văn L” dưới mục “Chủ sử dụng đất; Đại diện bên A; Chủ hộ” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14) so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn L trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký và viết ra”.

Chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Trần Văn Đạt tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 34 tại Khu 2, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P.

Thông qua các mối quan hệ xã hội, anh Lê Văn C - Sinh năm: 1987, trú tại phường Minh Nông, Tphố V, tỉnh P là Nhân viên Công ty TNHH T (*Địa chỉ: xã Hùng Lô, Tphố V, tỉnh P*) biết gia đình ông Trần Văn Đ - Sinh năm: 1949, trú tại Khu 2, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P là người đang canh tác tại thửa đất trên nên anh C đã liên hệ để xin khai thác đất san lấp để sử dụng đắp nền công trình.

Để làm thủ tục hạ cốt nền tại thửa đất nêu trên, anh Lê Văn C đã làm B hồ sơ gồm: Đơn xin cấp phép hạ cốt nền, phương án thi công, các bản trích đo địa chính, sau đó mang đến UBND xã An Đạo gặp anh H X M - Cán B địa chính xã An Đạo

để xin xác nhận của UBND xã vào các thủ tục xin cấp phép hạ cốt san nền và đồng thời nhờ anh H X M hướng dẫn làm các thủ tục Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất kèm theo các thủ tục niêm yết công khai để hoàn thiện hồ sơ. Sau khi tiếp nhận anh M làm các thủ tục Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư kèm theo các thủ tục niêm yết công khai rồi trình ông Hoàng Mạnh H - Chủ tịch UBND xã An Đạo ký vào Bản trích đo địa chính; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư kèm theo các thủ tục niêm yết công khai. Sau khi xin được xác nhận, anh M đưa lại cho anh C các thủ tục đã có xác nhận của UBND xã An Đạo. Có được các thủ tục trên, anh C mang hồ sơ đến nộp tại B phận một cửa của UBND huyện P để xin cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, mặc dù trong hồ sơ không có bất kỳ Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất và biết thửa đất vẫn do UBND xã An Đạo quản lý nhưng Nguyễn Công Tchi đạo bà Hoàng H - Cán B phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P L tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để Tký trình Đ Ngọc T ký ban Hnh văn bản chấp thuận. Ngày 28/3/2022, Đ Ngọc T ký văn bản chấp thuận số 366/UBND-TNMT về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Trần Văn Đ, khu 2, xã An Đạo, khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 6.177,81m³.

Sau khi có được văn bản chấp thuận, Công ty TNHH T đã nộp số tiền thuế khai thác khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ môi trường với khai thác khoáng sản còn lại là: 39.537.984đồng.

Chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Đặng Tiến B tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 33 tại Khu 4, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P và hộ ông Trần Văn Đ tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 34 tại Khu 2, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Bá C - Giám đốc Công ty TNHH T PT biết ông Trần Văn Đ - Sinh năm: 1949 - HKTT: Khu 2, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P và ông Đặng Tiến B - Sinh năm: 1968 - HKTT: Khu 4, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P là người đang canh tác tại 02 thửa đất trên nên đã liên hệ để xin khai thác đất san lấp (Tuy nhiên 02 thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vẫn do UBND xã An Đạo đang quản lý).

Để khai thác đất san lấp, Nguyễn Bá C đã làm các thủ tục xin cấp phép hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa. C đã L Đơn xin cấp phép, Các bản trích đo, Phương án thi công, Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất kèm theo các thủ tục niêm yết, công khai để xin chữ ký của các hộ dân. Sau đó C cho đưa cho anh Nguyễn Văn Linh - Sinh năm: 1988 - HKTT: Khu 3, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P mang hồ sơ đến UBND xã An Đạo gặp anh H X M - Cán B địa chính xã An Đạo để xin xác nhận của UBND xã vào các thủ tục trên. Sau khi tiếp nhận anh M đã trình ông Hoàng Mạnh H - Chủ tịch UBND xã

ký xác nhận vào các thủ tục do anh Linh mang đến sau đó đưa lại cho anh Linh. Có được các thủ tục trên, C đưa cho Linh mang hồ sơ đến nộp tại B phận một cửa của UBND huyện P để xin cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, mặc dù trong hồ sơ không có bất kỳ Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất và biết thửa đất vẫn do UBND xã An Đạo quản lý nhưng Nguyễn Công Tchi đạo Hoàng H - Cán B Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P L tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để Tký trình Đ Ngọc T ký ban Hnh văn bản chấp thuận. Ngày 16/01/2023, Đ Ngọc T ký văn bản chấp thuận số 50/UBND-TNMT về việc chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Trần Văn Đ, khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 5.547,37m³; văn bản chấp thuận số 322/UBND -TNMT ngày 16/2/2023 của hộ ông Đặng Tiến B với khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển đất dư thừa 3.849,12m³.

Sau khi có văn bản chấp thuận, Công ty TNHH T PTnộp thuê khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ tài nguyên môi trường tại thửa đất số 226 số tiền là 20.907.382 đ; tại thửa số 77 số tiền là 35.503.168đ.

Chấp thuận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 16 tại Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P của hộ ông Đỗ T Đạt

Quá trình được UBND huyện P chấp thuận khai thác một số thửa đất tại khu 2, xã T, huyện P, ông Vũ Văn V - Sinh năm: 1969, trú tại Khu 8, xã T, huyện P, tỉnh P-Giám đốc Giám đốc Công ty TNHH Thương mại H(địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh P) thấy ông Đỗ TĐạt - Sinh năm - 1979, trú tại Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh P có canh tác tại thửa đất trên nên đã liên hệ để xin khai thác đất san lấp. Để khai thác đất san lấp, ông Vũ Văn V đã làm các thủ tục xin cấp phép hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa, gồm: Đơn xin cấp phép, Các bản trích đo, Phương án thi công, Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất kèm theo các thủ tục niêm yết, công khai để xin chữ ký của các hộ dân. Sau đó ông V mang các thủ tục đến UBND xã T gặp ông Lê X K - Chủ tịch UBND xã T để xin xác nhận của UBND xã T vào các thủ tục trên. Sau khi tiếp nhận ông K ký xác nhận vào các thủ tục do ông V mang đến và đưa lại cho ông V. Có được các thủ tục trên, ông V mang hồ sơ đến nộp tại B phận một cửa của UBND huyện P để xin cấp phép cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, mặc dù trong hồ sơ không có bất kỳ Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất và biết thửa đất vẫn do UBND xã T đang quản lý nhưng Nguyễn Công Tchi đạo Hoàng H - Cán B Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P L tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để Tký tờ trình và trình Đ Ngọc T ký ban Hnh văn bản chấp thuận. Ngày 24/8/2023, Đ Ngọc T ký văn bản chấp thuận số 1160/UBND-TNMT về việc chấp thuận phương án thi công cải

tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa của hộ ông Đỗ TĐạt, khối lượng san gạt và khối lượng vận chuyển dư thừa là 9.654,53m³.

Sau khi có văn bản chấp thuận, Công ty TNHH Thương mại H đã nộp số tiền thuế khai thác khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ môi trường với khai thác khoáng sản còn lại là: 61.788.992 đồng.

2. Hình vi phạm tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên của bị cáo Nguyễn Bá C.

Công ty TNHH T PT có địa chỉ tại khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P do Nguyễn Bá C làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty. Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, Công ty T PT được UBND huyện P chấp thuận thi công san gạt, vận chuyển đất dư thừa đối với nhiều thửa đất tại khu Núi Khuyết thuộc khu 9, xã P, huyện P. Lợi dụng việc cấp phép của UBND huyện P chấp thuận cho Công ty TNHH T PT thi công tại một số thửa đất tại khu vực trên, Nguyễn Bá C đã khai thác trái phép tại 13 thửa đất bán cho Công ty TNHH vận tải C Linh do ông Nguyễn X C làm Giám đốc. Việc mua bán đất giữa Công ty TNHH T với Công ty TNHH Vận tải C Linh thể hiện bằng Hợp đồng kinh tế số 03.01/HĐKT/2023 ngày 03/01/2023, với giá 26.000đ/m³. Quá trình điều tra xác định khối lượng đất san lấp C khai thác trái phép tại 13 thửa đất gồm:

- Thửa số **383**, tờ bản đồ số 22, diện tích 249,9m² của hộ ông Nguyễn Ngọc Biên,
- Thửa số **241**, tờ bản đồ số 22, diện tích 498,3m² của hộ ông Nguyễn Văn Công.
- Thửa số **242**, diện tích 425,6m²; thửa số **243** diện tích 320,2m²; thửa số **382** diện tích 250,3 m² đều thuộc tờ bản đồ số 22 của hộ bà Nguyễn Thị Kim Phượng;
- Thửa số **150**, tờ bản đồ số 23, diện tích 191,5m² của hộ ông Nguyễn Văn Đáp;
- Thửa số **149**, tờ bản đồ số 23, diện tích 200,7m² của ông Nguyễn Văn Bình;
- Thửa số **151**, tờ bản đồ số 22, diện tích 421,2m² của ông Nguyễn X Trường;
- Thửa số **441**, tờ bản đồ số 23, diện tích 397,2m² của ông Nguyễn Văn Thái;
- Thửa số **386**, tờ bản đồ số 22, diện tích 83,3m² của ông Khuất Văn Tám;
- Thửa số **218**, diện tích 89,2m² thuộc quản lý của UBND xã P, huyện P, tỉnh P.

- Thửa đất số **384**, tờ bản đồ số 22, diện tích 129m² và thửa đất số **388**, tờ bản đồ số 22, diện tích 139,9m².

Căn cứ đối chiếu công nợ và sổ chấm chuyển giữa Nguyễn Bá C với Công ty C Linh xác định: Tổng khối lượng đất Công ty TNHH T khai thác trái phép là 33.966,66m³. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập mẫu đất để tiến hành giám định. Ngày 10/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Trưng cầu giám định đối với 06 mẫu đất được ký hiệu từ A1 đến A6 được thu thập tại các thửa đất số 621, tờ bản đồ số 53 thuộc thị trấn P, huyện P; mẫu đất tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 16 thuộc khu 2, xã T; mẫu đất tại thửa số 77, tờ bản đồ số 34 thuộc xã An Đạo; mẫu đất tại thửa số 226, tờ bản đồ số 33 thuộc xã An Đạo;

mẫu đất tại thửa số 147, tờ bản đồ số 34 thuộc xã An Đạo và mẫu đất tại khu Núi Khuyết thuộc xã P, huyện P, tỉnh P.

Tại K luận giám định số GD/34-2024 của Trung tâm phân tích và kiểm nghiệm địa chất - Cục địa chất Việt Nam K luận:

“- 06 mẫu được giám định là khoáng sản;

- Khoáng sản là đất làm vật liệu xây dựng thông thường”.

Ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh P đã tiến hành Yêu cầu định giá tài sản. Tại K luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 06/6/2024 của Hội đồng định giá - UBND tỉnh P K luận:

- 15.292,43m³ khoáng sản (là đất làm vật liệu xây dựng thông thường) tại thời điểm năm 2022 giá bình quân là 60.000đ có trị giá là 917.545.800đ.

- 49.168,56 m³ khoáng sản (là đất làm vật liệu xây dựng thông thường) tại thời điểm năm 2023 giá bình quân là 60.000đ có trị giá là 2.950.113.600đ.

Như vậy, việc thẩm định và cấp phép đối với các thửa đất do UBND xã quản lý, các doanh nghiệp đã khai thác 06 thửa đất với khối lượng được xác định là 29.057,68m³, theo K luận định giá giá đất tại thời điểm năm 2022, 2023 có giá bình quân là 60.000đ, sau khi trừ đi tiền thuế khai thác khoáng sản phi kim loại và phí bảo vệ môi trường mà các doanh nghiệp đã nộp tại Chi cục thuế huyện P với tổng số tiền là 182.242.160đ (một trăm tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng) thì Hình vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của bị cáo Nguyễn Công Tvà bị cáo Đ Ngọc T gây thiệt hại cho Ngân sách tổng số tiền được xác định là: **1.561.281.640 đồng** (một tỷ năm trăm sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Nguyễn Bá C đã khai thác trái phép tại 13 thửa đất bán cho Công ty TNHH vận tải C Linh tổng khối lượng khai thác trái phép là 33.966,66m³ theo K luận định giá giá đất tại thời điểm năm 2022, 2023 có giá bình quân là 60.000đ tương đương số tiền 2.038.000.200đồng. Quá trình điều tra, Công ty TNHH T PT cung cấp tài liệu chi phí thực tế cho quá trình khai thác vận chuyển là 453.500.000 đồng. Quá trình hồ sơ chuyển V toà án Công ty TNHH T PT cung cấp bổ sung cho HĐXX các tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí thực tế trong quá trình khai thác có chứng từ kèm theo số tiền 598.959.280đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đ Ngọc T và Nguyễn Công Tđã thừa nhận mục đích của việc cấp phép tại 06 thửa đất nêu trên là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khai thác đất để sử dụng vào san lấp các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh P trong đó có Công ty TNHH T PT do ông Nguyễn Bá C là giám đốc là người quen của T và tạo điều kiện cho người dân có mặt bằng để canh tác.

Tại bản Cáo trạng số: 91/CT-VKSPT-P1 ngày 15/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố Đ Ngọc T và Nguyễn Công Tvề tội: “Lợi dụng chức

vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 356 BLHS; Nguyễn Bá C về tội: “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” quy định tại khoản 2 Điều 227 B luật Hình sự.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, TAND tỉnh P nhận thấy, có một số nội dung trong hồ sơ vụ án cần làm rõ, trong đó có nội dung: Theo văn bản số 3281/TNMT-KS&TNN ngày 04/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P thì: “Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không phải là Giấy tờ về quyền sử dụng đất”. Tuy nhiên, sau khi hồ sơ vụ án chuyển từ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P V TAND tỉnh P, các bị cáo nộp cho Toà án văn bản số: 206/TNMT-QLĐ ngày 22/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Nội dung của văn bản số 206 thể hiện: “Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được UBND cấp xã xác nhận theo quy định (nguồn gốc sử dụng, thời điểm sử dụng và mục đích sử dụng vào mục đích đăng ký tình trạng tranh chấp đất đai) mà đảm bảo điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi được cấp phép san hạ cốt nền, cải tạo mặt bằng mà đáp ứng yêu cầu, nội dung theo Quy chế là phù hợp với quy định của Quy chế”. Nhận thấy 02 văn bản cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P ban hành, nhưng có nội dung khác nhau, ngoài ra, quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của một số lãnh đạo và cán bộ cấp xã. Do vậy, ngày 16/12/2024, TAND tỉnh P đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P. Ngày 06/12/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P Văn bản số 3393/TNMT-QLĐ trả lời văn bản của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh P có nội dung: “Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không phải là giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất trong Tphần hồ sơ chấp thuận cho vận chuyển đất dư thừa theo Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh và Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT ngày 18/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường”.

Ngày 15/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có văn bản số 22/CV-VKSPT-P1 về việc giữ nguyên nội dung quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 91/CT-VKSPT-P1 ngày 15/10/2024.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc đưa ra phán quyết, ngày 14/2/2025, TAND tỉnh P có văn bản số 41/2025/CV-TA gửi B Tài nguyên và Môi trường đề nghị B Tài nguyên và Môi trường làm rõ về nội dung 03 văn bản không thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Ngày 28/02/2025, B Tài nguyên và Môi trường có văn bản phúc đáp văn bản của TAND tỉnh P xác định: phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, TAND tỉnh P đưa vụ án ra xét xử, tại phiên toà các bị cáo cho rằng do hướng dẫn số 3311/HD-TNMT ngày 18/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế

không rõ ràng, không phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh P ban Hành không phù hợp quy định của pháp luật nên dẫn đến các bị cáo hiểu Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là Giấy tờ về quyền sử dụng đất để các bị cáo cho L hồ sơ, ký duyệt hồ sơ san gạt, hạ cốt nền đối với các thửa đất trên. Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đối với Quyết định của UBND tỉnh P và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Sau khi HĐXX kéo dài thời gian nghị án và quay trở lại phần xét hỏi, HĐXX ra quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 20/3/2025, TAND tỉnh P có văn bản gửi Cục kiểm tra văn bản và quản lý xử lý văn bản vi phạm Hành chính - B Tư pháp đề nghị Cục kiểm tra, kiểm tra tính hợp pháp của quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh và hướng dẫn số 3311/HD-TNMT của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Ngày 17/4/2025, Cục kiểm tra văn bản và quản lý xử lý văn bản vi phạm Hành chính - B Tư pháp đã có văn bản số: 198/KTBV&QLXLVPHC-KGVX về việc cho ý kiến đối với quyết định số: 3210/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh P và hướng dẫn số: 3311/HD-TNMT của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm Hành chính trả lời như sau:

Về K quả kiểm tra văn bản:

1. Quyết định số 3120/QĐ-UBND và Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT là văn bản Hành chính nhưng nội dung chứa quy phạm pháp luật (quy định các trường hợp được xem xét, chấp thuận cho vận chuyển đất dư thừa, thẩm quyền chấp thuận vận chuyển đất dư thừa, thời hạn vận chuyển đất dư thừa, xử lý vi phạm, hướng dẫn hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận vận chuyển đất dư thừa...). Việc ban Hành Quyết định số 3120/QĐ-UBND và Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT với nội dung nêu trên tại thời điểm ban Hành là không phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Ban Hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban Hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Điểm g khoản 1 Điều 1 Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT quy định Tphần hồ sơ đề nghị chấp thuận việc vận chuyển đất dư thừa gồm có “Bản sao các giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất”. Qua rà soát Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật liên quan, Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm Hành chính không thấy có văn bản nào quy định về “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất”. Tuy nhiên, căn cứ quy định pháp luật về đất đai, “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất” có thể được hiểu là các loại giấy tờ quy định tại Điều 11, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT quy định về “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất” là chưa rõ ràng, không phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật Ban Hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tiễn.

Tại phiên toà, 2 bị cáo đều khai: Do hướng dẫn của Sở tài nguyên và Môi trường không cụ thể, không rõ ràng nên các bị cáo nhận thức hướng dẫn số 3311/HD-TNMT quy định về “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất” trong đó phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất các hộ dân đã sử dụng ổn định trước năm 1993 không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp cũng được coi là “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất”. Do vậy, bị cáo T đã hướng dẫn L hồ sơ san gạt, hạ cốt nền đối với 6 thửa đất trên và bị cáo T trực tiếp ký hồ sơ phê duyệt. Cả hai bị cáo đều khai Hnh vi L, ký phê duyệt 6 hồ sơ san gạt, hạ cốt nền đều không có động cơ vụ lợi gì cho cá nhân các bị cáo, mục đích của việc cấp phép hạ cốt nền là để tạo điều kiện cho người dân có mặt bằng xây nh, canh tác, tăng gia sản xuất tạo điều kiện cho doanh nghiệp khai thác đất dư thừa để phục vụ các dự án trên địa bàn huyện. Ngoài ra, còn thu được thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường nộp Ngân sách nh nước. Tài liệu trong hồ sơ vụ án không chứng minh được động cơ vụ lợi cá nhân của bị cáo T và bị cáo THnh.

Đối với 06 hồ sơ bị cáo T và TL, ký duyệt chấp nhận phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa trong đó có 04 hồ sơ T, Tkhông thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc thẩm định, kiểm tra hồ sơ, cụ thể:

02 Hồ sơ, 01 hồ sơ của hộ ông Nguyễn Văn L thửa đất số 384, tờ bản đồ số 02, diện tích 129m² với tổng khối lượng khai thác 1.313,9m³; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 22, diện tích 139,2m² với tổng khối lượng khai thác 2.514,95m³ của hộ ông Khuất Văn X. Hai Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân nào, trong sổ mục kê ghi “UB”, từ trước đến nay hộ ông L, ông X không sử dụng. Tuy nhiên, Nguyễn Bá C - Giám đốc Công ty TNHH T đã L hồ sơ và nhờ người khác giả chữ ký của ông L, ông X ký toàn B hồ sơ cấp phép khai thác. 02 hồ sơ trên Nguyễn Bá C - Giám đốc Công ty TNHH T L hồ sơ giả, nhưng khi nhận hồ sơ Nguyễn Công Tkhông thẩm định hồ sơ, Vẫn trình ký và Đ Ngọc T không thẩm định lại, không kiểm tra kỹ vẫn ký hồ sơ phê duyệt.

02 hồ sơ thửa đất khai thác của hộ ông Trần Văn Đ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 34 với tổng khối lượng khai thác 6.177,81m³ và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 34 với tổng khối lượng khai thác 5.547,37m³. Hai Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân nào, ông Đ trình bày gia đình ông không sử dụng 02 thửa đất trên, cũng không có nhu cầu hạ cốt nền. Theo lời khai của ông Đ trong 02 thửa đất trên, năm 2019 ông đã bán một trong 2 thửa đất cho ông Ba ở Khu 3, xã AnĐạo, huyện P. Việc L hồ sơ hạ cốt nền đối với 02 thửa đất trên không phải do ông Đ đứng ra L. Hồ sơ vụ án thể hiện 01 hồ sơ hạ cốt nền là do Nguyễn Bá C - Giám đốc Công ty TNHH T L đối với thửa đất 77, tờ bản đồ số 34 và 01 hồ sơ là Nguyễn X Thường - Giám đốc Công ty TNHH T L đối với thửa đất 147, tờ bản đồ số 34. Ông Đ khẳng định chữ ký

trong các văn bản có trong B hồ sơ số 366/UBND-TNMT ngày 28/3/2022 không phải do ông Đ ký. Còn chữ ký trong hồ sơ số 50/UBND - TNMT ngày 16/01/2023 là do ông Đ ký, tuy nhiên thực tế ông Đ không có nhu cầu hạ cốt nền và không trực tiếp L hồ sơ, gia đình ông cũng không sử dụng 02 thửa đất trên. 02 hồ sơ mà Nguyễn Bá C - Giám đốc Công ty TNHH T và Nguyễn X Thường - Giám đốc Công ty TNHH T L không đúng, nhưng khi Nguyễn Công Tthẩm định hồ sơ và Đ Ngọc T ký duyệt hồ sơ không thẩm định, không kiểm tra kỹ Tvấn trình và T vẫn ký hồ sơ phê duyệt.

Hnh vi của THnh, T là do nhận thức xuất phát từ việc Hướng dẫn số 3311/HD-TNMT quy định về “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất” của Sở tài nguyên và Môi trường theo Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm Hnh chính là chưa rõ ràng, dẫn đến Tvà T hiểu phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất các hộ dân đã sử dụng ổn định trước năm 1993 không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp cũng được coi là “giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất”. THnh, T thực hiện Hnh vi không có động cơ vụ lợi cá nhân. Do vậy, Hnh vi của THnh, T không thỏa mãn dấu hiệu cấu Ttội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi Hnh công vụ”.

Đối với Hnh vi của Tkhông thẩm định, kiểm tra 04 hồ sơ trên vẫn trình ký và Hnh vi của T không kiểm tra, xem xét kỹ 04 hồ sơ đã ký phê duyệt tổng khối lượng đất khai thác $15.554,03\text{m}^3$ là không thực hiện nhiệm vụ, công vụ của mình được giao theo đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại cho nH nước tổng số tiền $15.554,03\text{m}^3 \times 60.000\text{đồng}/\text{m}^3 = 933.241.800\text{đồng}$ là Hnh vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 360 BLHS.

Căn cứ Điều 319 BLTTHS, tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P rút một phần quyết định truy tố đối với Nguyễn Công Tvà Đ Ngọc T từ tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi Hnh công vụ” theo khoản 3 Điều 356 chuyển V truy tố Nguyễn Công Tvà Đ Ngọc T tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 BLHS. Giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Bá C về tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLHS.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị HĐXX áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 2, 4 Điều 360, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS (đối với T, THnh), áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51BLHS (đối với T).

Áp dụng khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35 BLHS (đối với C).

Tuyên bố các bị cáo Đ Ngọc T, Nguyễn Công Tphạm tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá C phạm tội: “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”

Xử phạt bị cáo Đ Ngọc T từ 27 - 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 - 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 27 - 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 - 60 Tháng (Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 16/7/2024). Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 1.000.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo T, Đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 1 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Đ Ngọc T đã tự nguyện nộp lại số tiền khắc phục hậu quả là: 780.609.317 đồng; bị cáo Nguyễn Công T đã tự nguyện nộp lại số tiền khắc phục hậu quả với tổng số tiền là: 781.000.000 đồng. Số tiền 933.241.800 đồng hai bị cáo gây thiệt hại cho NH nước tịch thu nộp ngân sách NH nước. Số tiền các bị cáo nộp thừa còn lại 628.367.517 đồng trả lại cho 02 bị cáo, mỗi bị cáo 314.183.758 đồng.

Về số tiền thu từ Hnh vi khai thác tài nguyên trái phép của Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT: Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT khai thác trái phép 13 thửa đất có giá trị 2.038.000.200 đồng. Trong đó có 02 thửa đất số 384, tờ bản đồ số 02; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 22 với tổng khối lượng khai thác 2.514,95m³ Tiền 229.731.000 đồng. Số tiền này được T và T đã nộp ngân sách NH nước, nên trừ đi cho Nguyễn Bá C. Số tiền Nguyễn Bá C phải nộp là 1.808.269.200 đồng được trừ đi Chi phí thực tế cho quá trình khai thác vận chuyển của Công ty TNHH T PT là 1.052.459.280 đồng. Số tiền còn lại 755.809.920 đồng Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT phải nộp ngân sách NH nước. Quá trình điều tra và tại toà án tổng số tiền Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT đã nộp là 1.009.050.000 đồng. Số tiền bị cáo nộp thừa 253.240.080 đồng trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

(Toàn B số tiền các bị cáo đã nộp được chuyển vào tài khoản cơ quan thi Hnh án dân sự)

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Hnh vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật, đều ăn năn hối cải. Bị cáo T, THnh: Đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo C trình bày: Bị cáo có tài sản nên xin được áp dụng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội:

Trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 8/2023, Đ Ngọc T là phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P được phân công giúp Chủ tịch huyện theo dõi trực tiếp ký và phê duyệt hồ sơ xin thi công cải tạo mặt bằng có vận chuyển đất dư thừa, Nguyễn Công T là Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P được phân công thẩm định các hồ sơ xin thi công cải tạo mặt bằng có vận chuyển đất dư thừa, tham mưu giúp việc cho T. Quá trình thực hiện công vụ có 04 hồ sơ khai thác san gạt hạ cốt, san nền, vận chuyển đất dư thừa gồm: thửa đất số: 384, tờ bản đồ số 22; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 22; thửa đất số 147, tờ bản đồ số 34; thửa đất số 77, tờ bản đồ số 34 là đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý không được phép khai thác, nhưng khi L hồ sơ khai thác lại xác định đất do các hộ dân sử dụng. Như vậy, 04 hồ sơ được L không đúng quy định của pháp luật, khi thẩm định T không thẩm định 04 hồ sơ vẫn trình ký, T không kiểm tra, thẩm định lại 04 hồ sơ đã ký phê duyệt hồ sơ san gạt, hạ cốt nền trái quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Nhà nước tổng khối lượng khai thác $15.554,03m^3$, Tiền là 933.241.800 đồng. Hình vi của T, Tẩu ý tố cấu T tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 360 BLHS.

Trong thời gian tháng 02/2023, mặc dù không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản là đất làm vật liệu xây dựng thông thường, nhưng Nguyễn Bá C đã tự ý có Hình vi khai thác trái phép $33.966,66m^3$ tại 13 thửa đất ở khu vực xã P, huyện P, tỉnh P có giá trị 2.038.000.200 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi tám triệu hai trăm đồng). Việc khai thác khoáng sản là đất làm vật liệu xây dựng thông thường không có giấy phép đã vi phạm khoản 2 Điều 4 Luật Khoáng sản “Chỉ được tiến Hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép”.

Do vậy, Hình vi của C thỏa mãn dấu hiệu cấu T tội: Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của Hình vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo T và T là nguy hiểm cho xã hội, Hành vi đó đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước trong quản lý đất đai trên địa bàn huyện P. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với Hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với 2 bị cáo cần xem xét cả thể hoá hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo T là người trực tiếp được giao nhiệm vụ ký và phê duyệt hồ sơ hạ cốt, san nền. Bị cáo T là người được giao tham mưu cho bị cáo T, trực tiếp thẩm định, kiểm tra các hồ sơ, nhưng cả hai bị cáo đã không thực hiện hết trách nhiệm của mình gây hậu quả thiệt hại cho nhà nước. Do vậy, bị cáo T là người phải chịu trách nhiệm chính, chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quyết định hình phạt đối với 02 bị cáo. Cả 2 bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều Tkhẩn khai báo, ăn ăn hối cải, tự nguyện khắc phục toàn B thiệt hại. Do vậy cả 2 bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T là người có nhiều T tích trong công việc nhiều năm là C sỹ thi đua cơ sở được, chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, năm 2019 được thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là người có nhiều T tích trong công tác được tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba, được B Giáo dục tặng Bằng khen, được Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam tặng Bằng khen, nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo T có nhiều T tích trong công tác năm 2011, 2020 được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen. Bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ, hiện nay bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng C hạng 3, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Cả hai bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS, mặc dù trong vụ án bị cáo T chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo T hơn bị cáo T 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Quá trình công tác bị cáo T có rất nhiều T tích được thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, nên hình phạt áp dụng đối với hai bị cáo là bằng nhau. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, nên áp dụng Điều 54 BLHS Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hành vi phạm tội của các bị cáo có một phần lỗi của cơ quan nhà nước khi ban Hành văn bản không rõ ràng. Do vậy, áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở T công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 360, cấm bị cáo T, T đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 1 năm.

Đối với Hnh vi vi phạm quy định về khai thác tài nguyên của bị cáo Nguyễn Bá C là nguy hiểm cho xã hội, Hnh vi đó trực tiếp xâm phạm đến tài nguyên thiên nhiên do nH nước quản lý. Bị cáo nhận thức được Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tkhẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục thiệt hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra năm 2021 bị cáo ủng hộ cho UBND huyện P 33.000.000đồng chống dịch Covid, bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương C sĩ giải phóng năm 1975, được tặng Huân chương C sĩ về vang năm 1978, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51BLHS, đất bị cáo khai thác thuộc loại đất làm vật liệu xây dựng bình thường, được vận chuyển từ nơi có đất dư thừa V phục vụ cho các công trình trên địa bàn huyện, không thuộc loại khoáng sản Q hiếm, Hnh vi phạm tội của các bị cáo có một phần lỗi của cơ quan nH nước khi ban Hnh văn bản không rõ ràng. Tại phiên toà bị cáo trình bày bị cáo có tài sản, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 35 BLHS xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo trở Tcông dân có ích cho xã hội.

Đối với những cá nhân, tổ chức có liên quan, gồm:

Ông Hoàng Văn Luyện - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký tờ trình đề nghị UBND huyện P ra văn bản chấp thuận đối với thửa đất 384 và thửa đất 388 tờ bản đồ số 22 tại Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P do thời điểm đó Lãnh đạo UBND huyện yêu cầu Trưởng phòng phải ký tờ trình. Tuy nhiên trước đó Nguyễn Công Tđược giao thẩm định hồ sơ. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với ông Luyện trong vụ án này.

Bà Hoàng H và ông Nguyễn Trọng K hướng dẫn người dân, doanh nghiệp làm Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất kèm theo các thủ tục niêm yết công khai và L tờ trình về việc xin chấp thuận phương án thi công, hạ cốt nền có vận chuyển đất dư thừa để Nguyễn Công Tký đề nghị ông Đ Ngọc T ký ban Hnh văn bản chấp thuận là theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Nguyễn Công THnh. Các thủ tục này không có giá trị quyết định việc cấp phép hay không được cấp phép cải tạo mặt bằng có vận chuyển đất dư thừa. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với các cá nhân nêu trên trong vụ án này.

Đối với Giám đốc, nhân viên của 02 Công ty, gồm: Công ty TNHH T; Công ty TNHH TM H;

Giám đốc 02 Công ty nêu trên đứng ra làm các thủ tục hạ cốt nền theo sự thỏa thuận, ủy quyền của người dân. Việc L hồ sơ theo hướng dẫn của cán B

Phòng Tài nguyên và Môi trường, họ không biết việc các thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì không được hạ cốt nền, khai thác đất san lấp. Mục đích khai thác đất san lấp của các Công ty nhằm xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển kinh tế của địa phương hoặc làm đường từ thiện cho người dân. Sau khi được cấp phép, các Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với NH nước và khai thác khối lượng đất san lấp đúng như trong văn bản chấp thuận. Do đó họ không phạm tội: **“Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”**. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với các cá nhân là Giám đốc, Nhân viên các Công ty nêu trên trong vụ án này phù hợp với pháp luật.

Đối với ông Nguyễn X C - Giám đốc Công ty TNHH vận tải C Linh, là người mua đất san lấp tại 13 thửa đất do Nguyễn Bá C khai thác trái phép tại khu Núi Khuyết thuộc khu 9, xã P, huyện P, tỉnh P. Quá trình điều tra xác định, ông C không biết việc Nguyễn Bá C khai thác đất trái phép, không bàn bạc hay thoả thuận gì với C. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Nguyễn X C về Hình vi **“Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”**.

Đối với quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh và hướng dẫn số 3311/HD-TNMT của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P ban Hình không phù hợp với pháp luật, tuy nhiên đã được UBND tỉnh P và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P ra quyết định thu hồi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh P xem xét Hình vi của lãnh đạo UBND xã P, lãnh đạo UBND xã An Đạo - huyện P có dấu hiệu của Hình vi thiếu trách nhiệm trong việc để các Công ty L không đúng các hồ sơ phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa đối với các thửa đất số 384, 388 tờ bản đồ số 22 địa chỉ: xã P, huyện P; thửa 147, tờ bản đồ số 34, thửa 77, tờ bản đồ số 34 địa chỉ: xã An Đạo, huyện P và xem xét Hình vi của lãnh đạo UBND xã P trong việc buông lỏng quản lý để Nguyễn Bá C thực hiện khai thác trái phép 11 thửa đất có địa chỉ: xã P, huyện P.

[4] Đối với số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho NH nước:

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Đ Ngọc T đã tự nguyện nộp lại số tiền khắc phục hậu quả là: 780.609.317 đồng; bị cáo Nguyễn Công T đã tự nguyện nộp lại số tiền khắc phục hậu quả với tổng số tiền là: 781.000.000 đồng. Số tiền 933.241.800 đồng hai bị cáo gây thiệt hại cho NH nước tịch thu nộp ngân sách NH nước. Số tiền các bị cáo nộp thừa còn lại 628.367.517 đồng trả lại cho 02 bị cáo, mỗi bị cáo 314.183.758 đồng.

Về số tiền thu từ Hình vi khai thác tài nguyên trái phép của Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT: Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT khai thác trái phép 13 thửa đất có giá trị 2.038.000.200 đồng. Trong đó có 02 thửa đất số 384, tờ bản đồ

số 02 tổng khối lượng khai thác 1.313,9m³; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 22 với tổng khối lượng khai thác 2.514,95m³ Tiền 229.731.000đồng được Tvà T đã nộp ngân sách nH nước, nên trừ đi cho Nguyễn Bá C. Số tiền Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT C phải nộp là 1.808.269.200 đồng. Số tiền này được trừ đi Chi phí thực tế cho quá trình khai thác vận chuyển của Công ty TNHH T PT là 1.052.459.280đồng. Số tiền còn lại 755.809.920đồng Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT phải nộp ngân sách nH nước. Quá trình điều tra Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT đã nộp số tiền khắc phục hậu quả 609.050.000đồng, và quá trình vụ án chuyển V toà án Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT nộp thêm số tiền 400.000.000đồng. Tổng số tiền Nguyễn Bá C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT đã nộp 1.009.050.000đồng. Số tiền bị cáo C - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T PT nộp còn thừa 253.240.080đồng, trả lại cho C, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P thực Hnh quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2, 4 Điều 360, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS (đối với T, THnh), điểm v khoản 1 Điều 51BLHS (đối với T).

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35BLHS (đối với C).

Tuyên bố các bị cáo Đ Ngọc T, Nguyễn Công Tphạm tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá C phạm tội: “*Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên*”.

Xử phạt bị cáo Đ Ngọc T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T27 (Hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 16/7/2024).

Giao bị cáo Đ Ngọc T và Nguyễn Công Tcho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi Hình án hình sự năm 2019 có hiệu lực thi Hình kể từ ngày 01/01/2020.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hình hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đ Ngọc T và Nguyễn Công Tđảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 1 năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Đ Ngọc T bị cáo Nguyễn Công Tđã tự nguyện nộp lại số tiền khắc phục hậu quả nộp ngân sách nH nước số tiền là 933.241.800đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng). Bị cáo Đ Ngọc T và bị cáo Nguyễn Công Tmỗi bị cáo được trả lại số tiền là 314.183.758 đồng (Ba trăm mười bốn triệu một tám tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Về số tiền thu từ Hình vi khai thác tài nguyên trái phép của C: Bị cáo Nguyễn Bá C nộp ngân sách số tiền 755.809.920đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu tám trăm linh chín nghìn chín trăm hai mươi đồng). Xác nhận Nguyễn Bá C đã nộp số tiền 1.009.050.000đồng (Một tỷ không trăm linh chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền 253.240.080đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn không trăm tám mươi đồng) trả lại cho bị cáo C, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

(Toàn B số tiền các bị cáo đã nộp được chuyển từ tài khoản của Công an tỉnh P vào tài khoản Cục thi Hình án dân sự tỉnh P và theo biên lai thu tiền số 0000562 ngày 19/9/2024 và biên lai số 0000984 ngày 12/5/2025 của Cục thi Hình án dân sự tỉnh P)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của B luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đ Ngọc T, Nguyễn Công THnh, Nguyễn Bá C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kiến nghị cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh P xem xét Hình vi của lãnh đạo UBND xã P, lãnh đạo UBND xã An Đạo - huyện P có dấu hiệu của Hình vi thiếu trách nhiệm trong việc để các Công ty L không đúng các hồ sơ phương án thi công cải tạo mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất dư thừa đối với các thửa đất số 384, 388 tờ bản đồ số 22 địa chỉ: xã P, huyện P; thửa 147, tờ bản đồ số 34, thửa 77, tờ bản đồ số 34 địa chỉ: xã An Đạo, huyện P và xem xét

Hnh vi của lãnh đạo UBND xã P trong việc buông lỏng quản lý để Nguyễn Bá C thực hiện khai thác trái phép 11 thửa đất có địa chỉ: xã P, huyện P.

“Trường hợp quyết định được thi Hnh theo quyết định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hnh án dân sự”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại H
- VKSND tỉnh PT;
- Công an tỉnh P;
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh P;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Những người có liên quan
- UBND TT P, H. P
- UBND xã P
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Bích Lược